

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT, ngày 31/8/2017 của Bộ Trưởng Bộ Công thương về việc quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD, ngày 04/5/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND, ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-UBND, ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công Thương tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-UBND, ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thành lập Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND, ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh Quyết số 584/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND, ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-UBND, ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1064/QĐ-UBND, ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-UBND, ngày 13/5/2019 của UBND huyện Đắk Tô về Tổ chức lại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đắk Tô;

Căn cứ Công văn số 296/UBND-KT, ngày 11/6/2018 của UBND huyện Đắk Tô về việc giao nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND, ngày 14/9/2018 của UBND huyện Đắk Tô về việc phê duyệt dự toán chi phí lập Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND, ngày 18/12/2019 của UBND huyện Đắk Tô về việc thành lập Hội đồng thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Đắk Tô;

Căn cứ các văn bản tham gia ý kiến Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum của các Sở, Ngành (cụ thể: *Sở Xây dựng Công văn số 1578/SXD-QHKT, ngày 28/10/2019; Sở Công Thương Công văn số 1111/SCT-QLCN, ngày 15/8/2019; Sở Tài nguyên và Môi trường Công văn số 1670/STNMT-CCQLĐĐ, ngày 16/9/2019*);

Căn cứ Công văn số 123/UBND, ngày 02/8/2019 của UBND thị trấn Đắk Tô về việc lấy ý kiến tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô;

Căn cứ Kết quả thẩm định số: 01/KQTĐ-QHXD, ngày 25/12/2019 của Hội đồng thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng huyện về kết quả thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 206/TTr - BQL, ngày 20/12 /2019 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (có bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 kèm theo), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

2.1. Phạm vi ranh giới: Khối 7, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Ranh giới cụ thể:

- Về ranh giới cụm công nghiệp theo Quyết định 773/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh Kon Tum, cụ thể:

- + Phía Đông giáp: Đường dây 110kV chiều dài khoảng 1.253 mét .
- + Phía Tây giáp: Đường vành đai (quy hoạch) chiều dài khoảng 1.579 mét.
- + Phía Nam giáp: Đất trồng cây lâu năm chiều dài khoảng 203 mét.
- + Phía Bắc giáp: Đất trồng cây lâu năm chiều dài khoảng 700 mét.

2.2. Về quy mô diện tích cụm công nghiệp: **50 ha.**

3.3. Tính chất:

- Là Cụm công nghiệp đa ngành, định hướng bố trí các ngành nghề: Chế biến gỗ, lâm sản, mộc dân dụng; sản xuất gạch, ngói không nung, sản xuất phân vi sinh; cơ khí, kỹ nghệ sắt và sản xuất đồ gia dụng, thiết bị nội thất, chế biến thức ăn gia súc.

- Quy hoạch đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản, đồng bộ, đảm bảo gắn kết với hệ thống hạ tầng nội khu và bên ngoài khu vực, đảm bảo giữ được môi trường bền vững.

3. Chỉ tiêu cơ bản về nhu cầu lao động.

Nhu cầu lao động: 2.750 người.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Danh mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Khu vực lập quy hoạch chi tiết		
I	Đất khu hành chính - dịch vụ	20.743	4,15
II	Đất khu kỹ thuật	9.856	1,97
III	Đất sản xuất, kho tàng	347.908	69,58
IV	Đất cây xanh	50.934	10,19
V	Đất giao thông	66.600	13,32
1	Đất giao thông nội khu	53.491	10,70
2	Bãi đỗ xe	13.109	2,62
VI	Đất hành lang kỹ thuật	3.959	0,79
1	Đất hạ tầng kỹ thuật (đường ống cấp, thoát nước...)	3.959	0,79

	Tổng cộng	500.000	100
B	Đất hành lang an toàn lưới điện 110KV (Thủy điện Đắk Pô Kô)	6.249	

5. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất:

5.1. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc:

- Khu hành chính - dịch vụ:

+ Được bố trí nằm giữa khu quy hoạch, tại vị trí giao nhau giữa hai trục đường chính của Cụm công nghiệp. Các công trình hành chính quản lý mang đường nét kiến trúc hiện đại, phù hợp với cảnh quan kiến trúc trong khu vực.

+ Khoảng sân xung quanh công trình thiết kế sân đường kết hợp trồng cây xanh thảm cỏ đi dạo một cách hài hòa tạo mỹ quan và phù hợp với quy định, góp phần tôn tạo cho công trình đồng thời đây là không gian thư giãn, giải lao cho cán bộ, công nhân viên.

- Khu cây xanh: Trồng những loại cây xanh tạo bóng mát, cây xanh cảnh quan kết hợp với đường đi dạo trong khu cây xanh và các vị trí đặt ghế đá tạo cho người lao động có một không gian nghỉ ngơi, thư giãn sau thời gian làm việc.

- Khu nhà máy, kho tàng:

+ Không gian kiến trúc trong Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô được quy hoạch theo ý tưởng hình thành không gian mở. Các khu vực nhà máy, cơ sở sản xuất được thiết kế hài hòa kiến trúc hiện đại kết hợp với bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên lô đất của cụm công nghiệp, tạo cảm giác gần với thiên nhiên.

+ Các khu đất được phân lô diện tích với các quy mô khác nhau nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất của các nhà đầu tư.

5.2. Quy định quản lý cho từng lô đất:

a) Các công trình nhà máy, kho tàng:

- Cốt nền xây dựng: Cao hơn cốt vỉa hè 20 cm (so với cốt vỉa hè đường giao thông).

- Mật độ xây dựng tối đa: (Diện tích xây dựng công trình/Diện tích lô đất x100)

+ Đối với lô đất có diện tích $\leq 5000 \text{ m}^2$: Mật độ xây dựng $\leq 70\%$.

+ Đối với lô đất có diện tích $> 5000 \div 20.000 \text{ m}^2$: Mật độ xây dựng $\leq 52\%$

- Hệ số sử dụng đất tối đa: (Tổng diện tích sàn công trình/Diện tích lô đất): 1,8.

- Tầng cao: 1 - 3 tầng. Chiều cao tối đa $\leq 22 \text{ m}$.

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi 6 m so với chỉ giới đường đỏ tính vào phía bên trong lô đất xây dựng.

- Diện tích cây xanh, thảm cỏ phải đạt $\geq 20\%$ diện tích lô đất.

b) Các công trình hành chính - dịch vụ:

- Cốt nền xây dựng: Cao hơn cốt vỉa hè 20 cm (so với cốt vỉa hè đường giao thông).

- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 40\%$

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 2,0.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng.

- Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tối thiểu 6m so với chỉ giới đường đỏ tính vào phía bên trong lô đất xây dựng.

- Diện tích cây xanh, thảm cỏ phải đạt $\geq 20\%$ trên diện tích lô đất.

6. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất:

6.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

a) San nền: Tổ chức tôn nền, tạo mặt bằng xây dựng công trình.

- Phù hợp đặc điểm địa hình miền núi, tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để hạn chế khối lượng đào, đắp nền.

- Cao độ san nền hợp lý, đấu nối với mạng lưới giao thông bên ngoài, phù hợp với yêu cầu, cao độ khống chế chung của khu vực.

- Đảm bảo thoát nước mặt và thoát nước thải sinh hoạt thuận lợi.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế mạng lưới thoát nước chảy riêng.

- Hướng thoát nước: Nước mưa thoát ra các khe, hợp thủy sau đó ra sông Đắk Tô Kan.

- Phân lưu vực: gồm 02 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Diện tích phía Nam trục đường mặt cắt 1 - 1 (đường N1) có diện tích khoảng 46,29 ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống cống bê tông li tâm với kích thước $D = 600 - 800$. Chảy dọc các tuyến đường sau đó thoát ra sông Đắk Tô Kan.

+ Lưu vực 2: Diện tích phía Bắc trục đường mặt cắt 1 - 1 (đường N1) có diện tích khoảng 4,34 ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống cống bê tông li tâm với kích thước $D = 600 - 800$. Chảy dọc các tuyến đường sau đó thoát ra các hợp thủy.

6.2. Quy hoạch giao thông:

a) Giải pháp quy hoạch:

- Mạng lưới giao thông trong cụm công nghiệp được tổ chức xây dựng theo dạng ô bàn cờ và vòng cung.

- Giao thông tĩnh: Bao gồm các bãi đỗ xe, điểm tránh xe phục vụ cho nhu cầu dừng đỗ và chờ bốc dỡ hàng...

b) Lộ giới của các tuyến giao thông trong khu vực quy hoạch:

- **Mặt cắt 1 - 1:** Đường N1 có lộ giới rộng 27,0 m (lòng đường: 15 m, vỉa hè: $6,0 \times 2 = 12,0$ m).

- **Mặt cắt 2 - 2:** Đường N2, N3, D2 có lộ giới rộng 19,5 m (lòng đường: 10,5 m, vỉa hè: $4,5 \times 2 = 9,0$ m).

- **Mặt cắt 3 - 3:** Đường D1 có lộ giới rộng 18,0 m (lòng đường: 10,0 m, vỉa hè: $4,0 \times 2 = 8,0$ m).

6.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho Cụm công nghiệp được lấy từ sông Đắk Tô Kan và từ nguồn cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh.

- Mạng lưới đường ống:

+ Sử dụng ống HDPE, đường kính ống từ DN50 - DN250 kết hợp với phụ kiện đồng bộ.

- Mạng lưới được thiết kế chủ yếu theo dạng mạch vòng (bao gồm 4 vòng bao chính và một số mạch vòng nhỏ).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy kết hợp chung với hệ thống cấp nước để giảm kinh phí đầu tư. Trên tuyến ống cấp nước chính (DN110 - DN160) bố trí các trụ lấy nước chữa cháy DN100, khoảng cách hai trụ không vượt quá 100 m.

- Nước tưới cây kết hợp với hệ thống cấp nước chung. Bố trí các van lấy nước tưới cây với khoảng cách trung bình 50 - 100m.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

a) Nguồn điện: Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ lưới điện quốc gia, cụ thể đầu nối từ xuất tuyến 473, 475 của trạm biến áp E46 110/22KV Đắk Tô.

b) Mạng lưới và giải pháp quy hoạch lưới điện:

+ Sử dụng điện áp 22 KV mạng 3 pha 3 dây được thiết kế đi nổi trên trụ bê tông ly tâm, chiều cao trụ ≥ 16 m. Cấp trung thế sử dụng cáp bọc, cách điện XLPE.

+ Sử dụng cách điện tiêu chuẩn 22 KV (cho lưới 22 KV).

+ Tiết diện dây dẫn chọn theo mật độ dòng điện kinh tế $JKT = 1,3A/mm^2$. Các tuyến trung áp xây dựng mới chủ yếu là các nhánh rẽ cấp cho từng khu nhà máy. Dây dẫn dùng loại AC-95, AC-70.

- Lưới điện hạ áp:

+ Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V, đi nổi. Kết cấu mạng 3 pha 4 dây. Chọn cáp loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1KV, tiết diện cáp ≥ 95 mm².

+ Đường dây hạ áp đi chung với đường dây trung áp: Đối với cột đường dây trung hạ áp kết hợp cột điện chọn cột ≥ 16 m, khoảng cách (theo phương thẳng đứng) giữa đường dây trung thế và hạ thế không được nhỏ hơn 2m đối với dây trần và 1m đối với dây bọc. Khoảng cách từ dây dẫn hạ thế khi độ võng lớn nhất, tới mặt đất không được nhỏ hơn 6m.

- Lưới điện chiếu sáng:

+ Nguồn điện cho các đèn đường được lấy từ các máy biến áp 22/0.4KV 3 pha hạ thế treo trên cột.

+ Lưới điện chiếu sáng được thiết kế độc lập với lưới điện trung, hạ thế. Sử dụng lưới điện chiếu sáng có cấp điện áp 380/220V, kết cấu mạng 3 pha 4 dây, đi nổi.

+ Các trụ đèn của hệ thống đèn được chọn là trụ bê tông ly tâm kết hợp với các trụ của lưới trung hạ áp, cần đèn dùng thép ống mạ nhôm kẽm loại gia công phù hợp với đầu trụ của cột bê tông ly tâm.

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới 03 trạm biến áp có cấp điện áp 22/0,4KV với tổng dung lượng là 662KVA để cung cấp điện cho đất công trình hành chính - dịch vụ, trạm xử lý nước thải và chiếu sáng công lộ.

Đối với các nhà máy, cơ sở sản xuất: Tùy theo nhu cầu sử dụng điện sản xuất mà các nhà máy sẽ tự hạ trạm biến áp từ tuyến 22KV trong cụm công nghiệp cho phù hợp.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Nước thải của các nhà máy, cơ sở sản xuất được dẫn đến trạm xử lý bằng hệ thống mạng lưới thoát nước thải trong Cụm công nghiệp. Hệ thống này là hệ thống riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

b) Chất thải rắn phải được phân loại và thu gom trực tiếp tại từng cơ sở sản xuất sau đó vận chuyển đến khu xử lý rác thải chung của thị trấn.

Các cơ sở, nhà máy sản xuất trong cụm công nghiệp có phát sinh chất thải nguy hại (theo quy định) thì phải tự thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.

6.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Mạng chuyên mạch:

+ Đấu nối với các đường cáp thông tin hiện có dọc trục đường Hồ Chí Minh dẫn vào CCN để phục vụ cho khu quy hoạch.

+ Thiết kế mạng chuyên mạch đồng bộ với hệ thống đang khai thác trên mạng, bao gồm cả các trang thiết bị phụ trợ như: Máy phát điện dự phòng, hệ thống tiếp đất và chống sét, trạm điện, hệ thống báo cháy...

- Hệ thống truyền dẫn:

+ Sử dụng song song 2 phương thức truyền cáp quang và truyền vi ba.

+ Cáp trong mạng nội bộ chủ yếu sử dụng loại cáp đi nổi có tiết diện lõi dây 0,5 mm. Cáp thông tin được đi kết hợp với trụ điện.

+ Bên cạnh đó cần kết hợp thi công hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác như: giao thông, san nền, cấp nước, thoát nước, điện.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thu gom triệt để các loại nước thải và tổ chức việc thu gom, xử lý chất thải rắn.

- Đảm bảo xây dựng theo đúng mật độ xây dựng quy định và tổ chức hệ thống vườn hoa, cây xanh nhằm hạn chế tối thiểu chất ô nhiễm khuếch tán trong môi trường không khí.

- Có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Có giải pháp bảo vệ và bổ sung diện tích cây xanh, ven các tuyến đường nhằm giảm bụi và tiếng ồn.

8. Danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch, ưu tiên đầu tư.

* Hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Cắm mốc giới quy hoạch;

- Lập dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô;

- Đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Chuẩn bị kỹ thuật (*san nền, thoát nước*);

+ Đầu tư các tuyến đường giao thông D2, N1, N2, N3;

Sau khi đầu tư các tuyến giao thông này sẽ tiếp tục đầu tư các tuyến đường quy hoạch khác trong khu vực.

+ Đầu tư hệ thống cấp điện; Cấp nước; xử lý nước thải.

- Các công trình thuộc khu hành chính - dịch vụ;

9. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: **120.549.306.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn đồng*), Cụ thể như sau:

9.1. Chi phí hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng.

TT	Danh mục cây trồng	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền
1	Đất trồng màu	gốc	77.700	30.000	126.000.000
2	Đất trồng cây công nghiệp	cây	13.000	513.000	6.669.000.000
3	Đất trồng cây ăn quả	cây	250	150.000	37.500.000
CỘNG					6.832.500.000

9.2. Chi phí đầu tư các công trình hạ tầng cơ sở và hạ tầng kỹ thuật.

TT	Hạng mục	Tổng kinh phí (đồng)	Ghi chú
I	Công trình kiến trúc	2.700.000.000	
1	Nhà điều hành	2.500.000.000	

II	Khu cây xanh	200.000.000	
III	Công trình hạ tầng kỹ thuật	111.016.806.000	
1	Giao thông	50.286.440.000	
2	San nền - thoát nước mưa	23.054.840.000	
3	Cấp nước	20.864.800.000	
4	Cấp điện	7.740.000.000	
5	Thoát nước thải + Vệ sinh môi trường	8.110.726.000	
6	Thông tin liên lạc	960.000.000	
	Tổng cộng (I+II+III)	113.716.806.000	

10. Nguồn vốn thực hiện: Vốn doanh nghiệp; vốn Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Tiến độ, giải pháp thực hiện.

11.1. Tiến độ: Chia làm 2 giai đoạn.

a) Giai đoạn 1 (từ năm 2020 - 2023):

- Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.
- Chuẩn bị kỹ thuật (*san nền, thoát nước*).
- Đầu tư các tuyến đường giao thông D2, N1, N2, N3.
- Đầu tư hệ thống cấp điện; cấp nước; xử lý nước thải.
- Đầu tư khu cây xanh.

b) Giai đoạn 2 (từ năm 2024-2025):

- Đầu tư các tuyến đường giao thông D1, D3, N4.
- Đầu tư công trình thuộc khu hành chính - dịch vụ.
- Tiếp tục đầu tư khu cây xanh.

11.2. Giải pháp thực hiện.

- Các giải pháp về công tác quản lý nhà nước.
- Giải pháp về cơ chế, chính sách.
- Giải pháp về huy động các nguồn lực, nhân lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện:

- Phối hợp với UBND thị trấn Đắk Tô tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (*tỷ lệ 1/500*) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô,

- Phối hợp với UBND thị trấn Đắk Tô tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum theo quy định và hoàn thành việc cắm mốc giới trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ khi Đồ án được phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

Tham mưu UBND huyện ban hành Quy định quản lý kiến trúc theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính và Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị trấn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Hội đồng TD ĐAQH XD huyện;
- Lưu: VP, VT, THNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Trung Tấn